

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CAO SU THÔNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *AS*CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 17 tháng 04 năm 2023.

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh  
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng

Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: [thongnhat.trc@gmail.com](mailto:thongnhat.trc@gmail.com)

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý I năm 2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/04/2023 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm:*

*Báo cáo tài chính quý I năm 2023.*



**Đại diện tổ chức  
Người ủy quyền công bố thông tin**

*Nguyễn Nhật Thành Lâm*

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NĂM 2023**

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*  
*BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*  
*BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*  
*BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>239,942,989,120</b>	<b>242,318,067,447</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10,994,947,638	3,983,258,871
Tiền	111		10,994,947,638	3,983,258,871
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		182,000,000,000	165,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		182,000,000,000	165,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17,023,489,178	21,434,899,867
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		10,748,642,015	18,657,185,445
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,792,279,518	589,045,918
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		8,399,392,580	7,105,493,439
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4,916,824,935)	(4,916,824,935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		27,516,304,123	51,883,748,066
Hàng tồn kho	141		27,516,304,123	51,883,748,066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,408,248,181	16,160,643
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,395,664,501	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		12,583,680	16,160,643
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>159,711,542,084</b>	<b>161,691,555,908</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		88,695,779,905	88,131,531,923
Tài sản cố định hữu hình	221		88,695,779,905	88,131,531,923
Nguyên giá	222		179,363,056,822	176,458,181,744
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90,667,276,917)	(88,326,649,821)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340,000,000)	(340,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		37,736,915,633	40,188,283,718
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		37,736,915,633	40,188,283,718
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		30,511,175,704	30,511,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3,700,000,000	3,700,000,000

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,767,670,842</b>	<b>2,860,564,563</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		2,767,670,842	2,860,564,563
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>399,654,531,204</b>	<b>404,009,623,355</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>51,411,333,450</b>	<b>60,237,278,484</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>41,174,190,737</b>	<b>50,000,135,771</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,239,264,636	1,037,111,326
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3,172,654,998	80,374,998
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		3,430,038,412	5,557,999,963
Phải trả người lao động	314		1,910,094,604	8,294,774,382
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		284,560,959	312,369,143
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		1,885,441,036	1,995,800,666
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		20,000,000,000	20,000,000,000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		9,252,136,092	12,721,705,293
Quỹ bình ô giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10,237,142,713</b>	<b>10,237,142,713</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		10,237,142,713	10,237,142,713
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>348,243,197,754</b>	<b>343,772,344,871</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>348,243,197,754</b>	<b>343,772,344,871</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		95,474,011,654	95,474,011,654
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60,269,186,100	55,798,333,217
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4,005,105,033	4,005,105,033
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		56,264,081,067	51,793,228,184
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

10424  
TY  
IN  
U  
HAT  
A-VUN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>399,654,531,204</b>	<b>404,009,623,355</b>



ĐINH TÂN THÔNG TIN  
Người lập Bảng



TRẦN HỮU TRÍ  
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM  
Tổng Giám đốc  
Bà Rịa, ngày 17 tháng 04 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN

( Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Quý 01		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		45,561,310,610	14,748,479,700	45,561,310,610	14,748,479,700
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>45,561,310,610</b>	<b>14,748,479,700</b>	<b>45,561,310,610</b>	<b>14,748,479,700</b>
Giá vốn hàng bán	11		39,384,744,398	11,182,957,758	39,384,744,398	11,182,957,758
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>6,176,566,212</b>	<b>3,565,521,942</b>	<b>6,176,566,212</b>	<b>3,565,521,942</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,339,078,223	2,180,516,569	2,339,078,223	2,180,516,569
Chi phí tài chính	22		364,668,493	-	364,668,493	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		698,151,374	456,815,309	698,151,374	456,815,309
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,050,193,881	1,443,528,969	2,050,193,881	1,443,528,969
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5,402,630,687</b>	<b>3,845,694,233</b>	<b>5,402,630,687</b>	<b>3,845,694,233</b>
Thu nhập khác	31		33,183,685	99,730,648	33,183,685	99,730,648
Chi phí khác	32		151,684,120	185,391,103	151,684,120	185,391,103
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(118,500,435)</b>	<b>(85,660,455)</b>	<b>(118,500,435)</b>	<b>(85,660,455)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5,284,130,252</b>	<b>3,760,033,778</b>	<b>5,284,130,252</b>	<b>3,760,033,778</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		813,277,369	592,988,989	813,277,369	592,988,989
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4,470,852,883</b>	<b>3,167,044,789</b>	<b>4,470,852,883</b>	<b>3,167,044,789</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		232	165	232	165
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		232	165	232	165



*(Đinh Tấn Thông Tin)*

**ĐINH TẤN THÔNG TIN**  
Người lập Bảng

*(Trần Hữu Trí)*

**TRẦN HỮU TRÍ**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2023

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		5,284,130,252	3,760,033,778
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		2,340,627,398	2,291,403,222
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03			(3,000,000)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(103,083,494)	(2,685,055,543)
Chi phí lãi vay	06			-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>7,521,674,156</b>	<b>3,363,381,457</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		5,279,360,687	2,088,082,041
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		24,367,443,943	(4,842,887,723)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(7,213,911,437)	(9,042,069,596)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(2,302,770,780)	2,665,020
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5,963,853,569)	(1,380,973,826)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4,799,212,919)	(5,794,255,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16,888,730,081</b>	<b>(15,606,057,627)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(4,983,967,799)	(1,154,109,148)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		33,183,685	
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17,000,000,000)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24			40,000,000,000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,471,128,223	5,412,152,680
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(20,479,655,891)</b>	<b>44,258,043,532</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		10,602,614,577	(20,881,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>10,602,614,577</b>	<b>(20,881,000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>7,011,688,767</b>	<b>28,631,104,905</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>3,983,258,871</b>	<b>2,904,736,059</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>10,994,947,638</b>	<b>31,535,840,964</b>



**ĐINH TẤN THÔNG TIN**  
Người lập Bảng



**TRẦN HỮU TRÍ**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 17 tháng 04 năm 2023

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## Quý I Năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006. Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG



# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung. các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất).



# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

### 7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

### 8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

#### 8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

#### 8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức

kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

### 10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

### 12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

### 13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

### Ước đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau:

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

### 15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	574.735.702	534.207.595
- Tiền gửi ngân hàng	10.420.211.936	3.449.051.276
- Các khoản tương đương tiền		
<b>Tổng cộng:</b>	<b>10.994.947.638</b>	<b>3.983.258.871</b>

a) Chi tiết tiền mặt	VNĐ	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	517.034.396		517.034.396
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	53.989.117		53.989.117
Tại quỹ NTCS Phong Phú	1.273.799		1.273.799
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	816.000		816.000
Tại quỹ Đội NN ƯDCNC Thống Nhất 2	1.622.390		1.622.390
<b>Tổng cộng:</b>	<b>574.735.702</b>	-	<b>574.735.702</b>

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	Tiền gửi USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng Tàu	5.325.268.836		5.325.268.836
Ngân hàng NN&PTNT Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	1.187.000		1.187.000
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	1.032.800		1.032.800
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	125.390		125.390
BIDVBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	4.843.466		4.843.466
Sacombank - CN huyện Châu Đức	4.509.805.716		4.509.805.716
Agribank - CN huyện Châu Đức	573.907.751		573.907.751
Ngân hàng TMCP Kiên Long CN BR – VT	1.334.257		1.334.257
Vietcombank Bà Rịa	2.706.720		2.706.720
<b>Tổng cộng:</b>	<b>10.420.211.936</b>		<b>10.420.211.936</b>

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		-
<b>Tổng cộng:</b>		-
<b>Tổng cộng:</b>		-

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
<b>b1) Ngắn hạn</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>182.000.000.000</b>		<b>165.000.000.000</b>	<b>165.000.000.000</b>	
- Tiền gửi có kỳ hạn	182.000.000.000	182.000.000.000		165.000.000.000	165.000.000.000	
- Trái phiếu						
<b>b2) Dài hạn</b>						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
- Trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
<b>Tổng công (b1+b2)</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>182.000.000.000</b>		<b>165.000.000.000</b>	<b>165.000.000.000</b>	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(\*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>10.748.642.015</b>	<b>4.599.004.935</b>	<b>18.657.185.445</b>	<b>4.599.004.935</b>
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.089.180.000	4.089.180.000	4.089.180.000	4.089.180.000
Công ty TNHH TM Long Phương Uyên	1.000.000		54.560.000	
Công ty TNHH MTV SX Khánh Trường Thịnh	-		-	
Công ty TNHH SX TM Hải Gia Phúc	399.243.180		-	
Bà Lại Ngọc Bội	100.000		-	
Ông Hoàng Thịnh	30.403.900		-	
Ông Trần Tuấn Thành	820.490.000		803.266.000	
Công ty TNHH SX TMDV XNK Minh Quyền	-		-	
Công ty TNHH SX TM Bảo Nhiên	-		621.724.740	
Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	-		-	
Ông Nguyễn Tấn Lộc	4.898.400.000		12.398.400.000	
Ông Hoàng Quốc Đạt	-		180.229.770	
Các khách hàng là Đại lý bán cám	509.824.935	509.824.935	509.824.935	509.824.935
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>				
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>				
<b>Tổng cộng:</b>	<b>10.748.642.015</b>	<b>4.599.004.935</b>	<b>18.657.185.445</b>	<b>4.599.004.935</b>

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.792.279.518</b>	<b>589.045.918</b>
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000	82.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Công ty TNHH TM DV XD Tân Thành Phát	20.000.000		20.000.000
Hoàng Thị Thu Lý	206.400.000		
Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Vy Vy	1.997.480.000		
Công ty Bảo hiểm Toàn cầu	58.702.600		
Công ty TNHH DV Công nghiệp Duy Phát	63.180.000		63.180.000
Trả tiền vật tư , nguyên liệu	24.016.918		83.365.918
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-		-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-		-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>2.792.279.518</b>		<b>589.045.918</b>

5. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.399.392.580</b>	<b>-</b>	<b>7.105.493.439</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000		317.820.000	
Phải thu bảo hiểm người lao động	184.550.451		123.950.220	
Phải thu thuế TNCN người lao động	584.034.280		366.517.663	
Lãi tiền gửi phải thu	7.042.155.556		6.174.205.556	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm soát				
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	52.000.000		18.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)				
Các khoản phải thu – Cty TNHH Sx TM XK Minh Quyền	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác	113.832.293		-	
Phải thu tiền thuế GTGT tính trước				
Phải thu về cổ phần hóa	100.000.000		100.000.000	
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>8.399.392.580</b>		<b>7.105.493.439</b>	

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>4.916.824.935</b>	<b>4.916.824.935</b>
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.407.000.000	4.407.000.000
Dương Thị Yên	53.000.000	53.000.000
Lê Ngọc Tùng	10.000.340	10.000.340
Dương Minh Chiến	34.379.160	34.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000	58.300.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700	246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000	10.450.000
Dương Văn Lợi	20.000.000	20.000.000
<b>b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>4.916.824.935</b>	<b>4.916.824.935</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
<b>Tổng cộng:</b>					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường		-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	4.024.260.112		3.714.514.556	
- Công cụ, dụng cụ	1.143.246.630		960.337.560	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.561.863.892		10.636.778.563	-
- Thành phẩm	12.786.935.389		36.572.117.387	
- Hàng hoá	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>27.516.306.023</b>	-	<b>51.883.748.066</b>	-

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	-		-	-
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	-			
b) Xây dựng cơ bản dở dang	<b>37.736.915.633</b>	-	<b>40.188.283.718</b>	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	2.658.425.023		2.576.765.316	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	34.995.158.121		34.623.310.835	
Dự án B94 – Bàu Mỹ	-		2.904.875.078	
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	83.332.489		83.332.489	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>37.736.915.633</b>	-	<b>40.188.283.718</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>64.272.198.394</b>	<b>23.624.310.689</b>	<b>6.980.542.080</b>	<b>757.850.894</b>	<b>81.163.279.687</b>	<b>176.798.181.744</b>
- Mua trong năm	2.904.875.078					<b>2.904.875.078</b>
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>67.177.073.472</b>	<b>23.624.310.689</b>	<b>6.980.542.080</b>	<b>757.850.894</b>	<b>81.163.279.687</b>	<b>179.703.056.822</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>43.178.998.667</b>	<b>21.209.089.351</b>	<b>5.232.001.512</b>	<b>737.773.619</b>	<b>18.308.786.370</b>	<b>88.666.649.519</b>
- Khấu hao trong năm	947.851.086	213.096.723	162.987.155	2.151.136	1.014.541.298	<b>2.340.627.398</b>
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.126.849.753</b>	<b>21.422.186.074</b>	<b>5.394.988.667</b>	<b>739.924.755</b>	<b>19.323.327.668</b>	<b>91.007.276.917</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm	21.093.199.727	2.415.221.338	1.748.540.568	20.077.275	62.854.493.317	<b>88.131.532.225</b>
- Tại ngày cuối năm	23.050.223.719	2.202.124.615	1.585.553.413	17.926.139	61.839.952.019	<b>88.695.779.905</b>

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	-	<b>340.000.000</b>
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
<b>Số dư cuối năm</b>	-	-	-	<b>340.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				<b>340.000.000</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-	-	
- Khấu hao trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
<b>Số dư cuối năm</b>	-	-	-	
<b>Giá trị còn lại</b>				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong	Kết chuyển	Số cuối kỳ
-----------------------	------------	------------	------------	------------



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

		kỳ	vào chi phí	
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	-	<b>4.148.527.110</b>	<b>1.752.862.609</b>	<b>2.395.664.501</b>
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ		1.164.459.173	425.749.000	738.710.173
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ		1.659.000.000	402.856.500	1.256.143.500
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ		580.843.904	250.438.109	330.405.795
Chi phí khác ( Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)		744.224.033	673.819.000	70.405.033
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.860.564.563</b>	<b>882.269.843</b>	<b>975.163.564</b>	<b>2.767.670.842</b>
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	2.860.564.563	882.269.843	975.163.564	2.767.670.842
<b>Tổng cộng:</b>	<b>2.860.564.563</b>	<b>882.269.843</b>	<b>975.163.564</b>	<b>2.767.670.842</b>

<b>14. Tài sản khác</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn:</b>	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
<b>Tổng cộng:</b>	-	-

<b>15. Phải trả người bán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.239.264.636</b>	<b>1.202.929.636</b>	<b>1.037.111.326</b>	<b>1.037.111.326</b>
Nguyễn Thị Thu Hồng			27.063.387	27.063.387
Bùi Thị Tuyết Nhung			7.423.014	7.423.014
Huỳnh Thị Mỹ Dung			9.351.790	9.351.790
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc	702.253.336	702.253.336	114.750.009	114.750.009
Công ty TNHH SX & TM Vôì Hà Nam	-	-	70.161.600	70.761.600
Công ty TNHH SX Bình Thuận Phát	236.489.400	236.489.400	70.021.026	70.201.026
Công ty TNHH Hóa Chất Thành Phương	36.335.000	-	-	-
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng	13.630.000	13.630.000	231.478.000	231.478.000
Công ty CP Công Nghiệp Nông nghiệp Xanh	78.862.500	78.862.500	60.112.500	60.112.500
Cửa hàng Cơ Khí Thanh Hào	-	-	14.000.000	14.000.000
Công ty TNHH Phân bón Duy Thiên	137.200.000	137.200.000	-	-
Công ty TNHH Thương Mại DV XNK Vạn Đạt	34.494.400	34.494.400	-	-
Công ty TNHH Phân Bón Kiến Khoa	-	-	431.970.000	431.970.000
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	-	-
Công ty TNHH Ý Thiên	3.020.000.000	-
Bùi Văn Quý	44.850.000	-
Huỳnh Thị Bích Trâm	5.980.000	-
Công ty TNHH Vinh Đại Phát	4.800.000	4.800.000
Lê Thanh Hùng	50.000.000	50.000.000
Tiền phải thu từ khách hàng khác	47.024.998	25.574.998
<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.172.654.998</b>	<b>80.374.998</b>

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	269.540.916	1.580.760.671	1.165.709.663	684.591.924
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.279.732.254	813.277.369	5.963.853.569	129.156.054
Thuế thu nhập cá nhân (*)	7.395.913	250.082.096	245.260.657	12.217.352
Thuế tài nguyên	1.330.080	1.881.920	6.796.480	(3.583.680)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.074.692.675	454.458.950	2.616.656.952
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	(9.000.000)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>5.557.999.963</b>	<b>5.720.694.731</b>	<b>7.845.079.319</b>	<b>3.430.038.602</b>
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>12.583.680</i>	-	-	<i>16.160.643</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>2.604.177.363</i>	-	-	<i>3.430.038.602</i>

18. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	1.910.094.604	8.294.774.382
<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.910.094.604</b>	<b>8.294.774.382</b>

19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>284.560.959</b>	<b>312.369.143</b>
Tiền ăn giữa ca	-	-
- <i>Đội cao su Phong Phú</i>	-	<i>16.239.000</i>
- <i>NTCS Hòa Bình</i>	<i>2.850.000</i>	<i>113.610.000</i>
- <i>Nhà máy CBM Bàu Non</i>	-	<i>12.654.000</i>
- <i>Đội NNUDCNC Thống Nhất 2</i>	-	<i>7.286.691</i>
<i>Chi phí kiểm toán BCTC</i>	<i>281.710.959</i>	<i>162.579.452</i>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>284.560.959</b>	<b>312.369.143</b>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>284.560.959</b>	<b>312.369.143</b>

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
-------------------	------------	------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.885.441.036</b>	<b>1.995.800.666</b>
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.0000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Ông Lý Nhân Tâm	-	76.720.000
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	26.000.000	26.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	39.622.000
Cơ khí Thanh Hào	8.343.000	35.001.000
Công ty TNHH Vinh Đại Phát	-	-
Công ty TNHH Đại Thiên Tân	4.952.166	10.366.296
Công ty TNHH Kyzuna MTV BRVT		-
Công ty TNHH SXTMDV-XNK Minh Quyền		-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.329.643.718	1.331.211.218
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác (TCBHXH)	-	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.237.142.713</b>	<b>10.237.142.713</b>
Công ty TNHH Kizuna		
Công ty TNHH SX TM DV Minh Quyền	10.237.142.713	10.237.142.713
<b>Tổng cộng:</b>	<b>12.122.583.749</b>	<b>12.232.943.379</b>

<b>21. Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

<b>22. Dự phòng nợ phải trả</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Số cuối năm</b>
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-
Chi phí trợ cấp thôi việc				
<b>Tổng cộng:</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Số cuối năm</b>
Quỹ khen thưởng	6.320.718.950	-	2.605.240.000	3.715.478.950
Quỹ phúc lợi	6.400.986.343	-	864.329.201	5.536.657.142
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-	-	-	-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>12.721.705.293</b>	<b>-</b>	<b>3.469.569.201</b>	<b>9.252.136.092</b>

**24. Vốn chủ sở hữu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
<b>Số dư đầu năm trước</b>	192.500.000.000	95.474.011.654	56.720.558.932	344.694.570.586
- Lãi trong năm nay	-	-	50.694.340.033	50.694.340.033
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng. Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
- Giảm khác				
<b>Số dư cuối năm trước</b>	192.500.000.000	95.474.011.654	56.720.558.932	344.694.570.586
<b>Số dư đầu năm nay</b>	192.500.000.000	95.474.011.654	50.694.340.033	338.668.351.687
- Lãi trong năm nay			56.264.081.067	56.264.081.067
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				
- Trích lập quỹ khen thưởng. Phúc lợi			(8.027.235.000)	(8.027.235.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(162.000.000)	(162.000.000)
- Chia cổ tức			(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	192.500.000.000	95.474.011.654	60.269.186.100	348.243.197.754
		<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)		98.175.000.000		98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)		94.325.000.000		94.325.000.000
<b>Cộng</b>		<b>192.500.000.000</b>		<b>192.500.000.000</b>

<i>c) Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

\* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ			
Ngoại tệ (USD)			
Nợ khó đòi đã xử lý			

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mủ cao su	30.581.793.310	7.201.700.000	30.581.793.310	7.201.700.000
Doanh thu gia công mủ cao su	1.004.329.200	859.805.800	1.004.329.200	859.805.800
Doanh thu mủ SVR thu mua chế biến				
Doanh thu bán chuối xen canh				
Doanh thu bán chuối	12.252.138.100	6.686.973.900	12.252.138.100	6.686.973.900
Doanh thu bán chuối hợp tác: Hợp tác kinh doanh (Minh Quyền)				
Doanh thu khác	1.598.548.000	-	1.598.548.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.436.808.610</b>	<b>14.748.479.700</b>	<b>45.436.808.610</b>	<b>14.748.479.700</b>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

3. Giá vốn hàng bán:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mủ cao su	27.913.175.742	5.013.131.385	27.913.175.742	5.013.131.385
Giá vốn gia công mủ cao su	876.390.495	747.264.137	876.390.495	747.264.137
Giá vốn mủ SVR thu mua chế biến				
Giá vốn bán chuối xen canh				
Giá vốn bán chuối	9.914.364.300	5.422.562.236	9.914.364.300	5.422.562.236
Giá vốn bán mít, chuối Hợp tác kinh doanh (Minh Quyền)				
Giá vốn khác	680.813.861	-	680.813.861	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.384.744.398</b>	<b>11.182.957.758</b>	<b>39.384.744.398</b>	<b>11.182.957.758</b>
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho				
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.384.744.398</b>	<b>11.182.957.758</b>	<b>39.384.744.398</b>	<b>11.182.957.758</b>

4. Doanh thu hoạt động tài	Quý I	Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý
----------------------------	-------	--------------------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

chính:	này			
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.339.078.223	2.180.516.569	2.339.078.223	2.180.516.569
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.339.078.223</b>	<b>2.180.516.569</b>	<b>2.339.078.223</b>	<b>2.180.516.569</b>

5. Chi phí tài chính:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	364.668.493	-	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>364.668.493</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

6. Chi phí bán hàng:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mủ cao su và bốc xếp	26.314.000	5.418.000	26.314.000	5.418.000
Chi phí vật tư đóng chuỗi thành phẩm	671.837.374	451.397.309	671.837.374	451.397.309
<b>Tổng cộng</b>	<b>698.151.374</b>	<b>456.815.309</b>	<b>698.151.374</b>	<b>5.418.000</b>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.286.419.584	1.083.873.259	1.286.419.584	1.083.873.259
Khấu hao tài sản cố định	96.187.489	96.187.489	96.187.489	96.187.489
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	10.392.917	-	10.392.917
Chi phí trợ cấp mất việc làm	137.886.250	-	137.886.250	-
Thuế, phí và lệ phí	-	3.000.000	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	529.700.558	253.075.304	529.700.558	253.075.304
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	-	(3.000.000)	-	(3.000.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.050.193.881</b>	<b>1.443.528.969</b>	<b>2.050.193.881</b>	<b>1.443.528.969</b>
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý				
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.050.193.881</b>	<b>1.443.528.969</b>		

8. Thu nhập khác	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản (Cây cao su thanh lý)	-	-	-	-
Thu từ bán mủ bọt nhà máy, chuỗi thứ phẩm	-	-	-	-
Thu khác	33.183.685	99.730.648	33.183.685	99.730.648
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.183.685</b>	<b>99.730.648</b>	<b>33.183.685</b>	<b>99.730.648</b>
Giảm trừ giá trị còn lại và chi	-	-	(2.312.071.465)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Thu khác	33.183.685	99.730.648	33.183.685	99.730.648
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.183.685</b>	<b>99.730.648</b>	<b>33.183.685</b>	<b>99.730.648</b>
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	-	-	(2.312.071.465)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.183.685</b>	<b>99.730.648</b>	<b>(2.278.887.780)</b>	<b>99.730.648</b>

9. Chi phí khác	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản	-	184.391.103	-	184.391.103
Chi phí thanh lý cây cao su	-	-	-	-
Chi phí khác	151.684.120	1.000.000	151.684.120	1.000.000
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>151.684.120</b>	<b>185.391.103</b>	<b>151.684.120</b>	<b>185.391.103</b>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.470.852.883	3.167.044.789	4.470.852.883	3.167.044.789
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	4.470.852.883	3.167.044.789	4.470.852.883	3.167.044.789
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>232</b>	<b>165</b>	<b>232</b>	<b>165</b>

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý I		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.612.234.707	4.834.965.682	5.612.234.707	4.834.965.682
- Chi phí công cụ dụng cụ	262.079.865	604.148.616	262.079.865	604.148.616
- Chi phí nhân công	5.007.306.323	4.795.815.812	5.007.306.323	4.795.815.812
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.601.916.923	2.985.208.848	1.601.916.923	2.985.208.848
- Chi phí khác bằng tiền	4.142.635.015	4.876.190.944	4.142.635.015	4.876.190.944
<b>Cộng</b>	<b>16.626.172.833</b>	<b>18.096.329.902</b>	<b>16.626.172.833</b>	<b>18.096.329.902</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban điều hành. thực nhận trong kỳ.

Phụ cấp Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý 1/2023	Lũy kế 3 tháng năm 2023
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó Chủ tịch - HĐQT	21.000.000	21.000.000
Nguyễn Văn Thoại	Thành viên - HĐQT	15.000.000	15.000.000
Đỗ Khắc Tùng	Thành viên - HĐQT	15.000.000	15.000.000
Phan Văn Phú	Thành viên - HĐQT	15.000.000	15.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên - HĐQT	15.000.000	15.000.000
Phạm Văn Sơn	Thành viên - HĐQT	15.000.000	15.000.000
<b>Cộng</b>		<b>126.000.000</b>	<b>126.000.000</b>

Lương Ban điều hành Công ty

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý 1/2023	Lũy kế 3 tháng năm 2023
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	108.000.000	108.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám Đốc	102.000.000	102.000.000
Trần Hữu Trí	Kế toán trưởng	60.000.000	60.000.000
<b>Cộng</b>		<b>270.000.000</b>	<b>270.000.000</b>

**Giao dịch với các bên có liên quan**

Căn cứ tại Điểm 1.1Khoản 1.Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh. các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(đồng)
- Công ty bán cây cao su gãy đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn. Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	-

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non.Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác.sơ chế. kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế; kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

**BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo bộ phận	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
-----------------	------------------------------------



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2023**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo bộ phận	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				
	Văn phòng công ty	Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	Đội NNUDCNC Thống Nhất 1	Đội NNUDCNC Thống Nhất 2	Cộng
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>33.309.172.510</b>	-		<b>12.252.138.100</b>	<b>45.561.310.610</b>
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					
3. Khấu hao	1.459.537.962	90.267.280	332.313.717	458.508.137	2.340.627.096
<b>4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.618.193.826</b>	-		<b>1.665.936.426</b>	<b>5.284.130.252</b>
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ					
6. Tài sản bộ phận	352.322.530.653	891.246.065	17.237.042.860	29.203.711.626	399.654.531.204
7. Tài sản không phân bổ					
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>352.322.530.653</b>	<b>891.246.065</b>	<b>17.237.042.860</b>	<b>29.203.711.626</b>	<b>399.654.531.204</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	41.174.190.737	-	10.237.142.713	-	51.411.333.450
9. Nợ phải trả không bộ phận					
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>41.174.190.737</b>	-	<b>10.237.142.713</b>	-	<b>51.411.333.450</b>

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Bà Rịa, ngày 17 tháng 04 năm 2023

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Tấn Thông Tín

Trần Hữu Trí